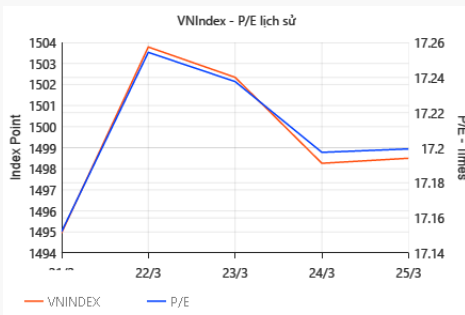


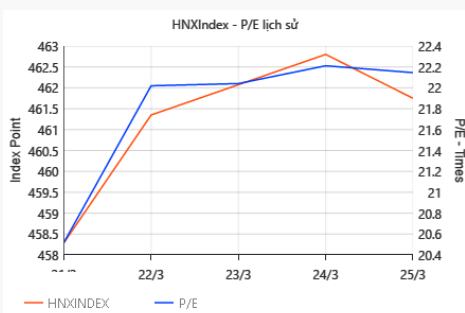


VN-INDEX



Điểm số	1,498.50
Tuần qua (WoW)	2.00%
Từ đầu năm (YTD)	0.01%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	13.32%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	14.08%
P/E	17.2
P/B	2.65

HNX - INDEX



Điểm số	461.75
Tuần qua (WoW)	2.34%
Từ đầu năm (YTD)	-2.58%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	16.44%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	27.32%
P/E	22.15
P/B	2.54

Bộ phận Chiến lược đầu tư

VỀ LẠI VẠCH XUẤT PHÁT

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Sau gần hết quý 1, chỉ số lại quay lại vạch xuất phát đầu năm nằm sát dưới ngưỡng 1,500 với giao dịch giằng co kéo dài. Bên cạnh các mã cổ phiếu, thông tin chúng ta cần theo dõi hiện tại chính là chỉ tiêu lạm phát, yếu tố sẽ quyết định tới hoạt động điều hành chính sách tiền tệ tới đây. Mới đây, Bộ Tài chính đã dự báo CPI bình quân trong 3 tháng đầu năm khoảng 2-2.1%. Hiện mặt bằng lãi suất huy động cũng đã nhích dần lên. Diễn biến lạm phát sẽ tác động tới định giá chung của thị trường.

Giai đoạn hiện tại cũng đang là giai đoạn chốt danh sách hợp cổ đông của nhiều doanh nghiệp, việc theo dõi lịch họp để tham dự đại hội sẽ giúp nhà đầu tư có những câu hỏi sát sườn với lãnh đạo doanh nghiệp về hướng phục hồi sau dịch, cách doanh nghiệp xử lý với xu hướng tăng giá chung của các yếu tố sản xuất. Đây nên là hoạt động ưu tiên cho giai đoạn giằng co hiện tại. Theo đó, các nhóm ngành liên quan tới Tiêu dùng, Bất động sản, Du lịch, Xuất khẩu, Vật liệu xây dựng có thể là nhóm nhà đầu tư thực hiện sàng lọc trong giai đoạn hiện tại.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Chúng ta đang chứng kiến một giai đoạn chuyển động mà xu hướng tăng là không hề hiện hữu trong tất cả các nhóm vốn hóa, chủ yếu là sự bật lên trong một xu hướng điều chỉnh lớn hơn, hay nếu có trong một vài nhóm cổ phiếu nào đó thì lại là ở một giai đoạn mà rủi ro thoái trào là khá cao. Do đó, ưu tiên vẫn là theo dõi cơ cấu lại danh mục và giữ một tỉ trọng vừa phải, ổn định, việc giải ngân nên tránh mua đuổi khi giá đã tăng.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	26.6%		-2.6%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	31.0%		-6.0%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		13.6%	185.5%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	19.3%		-3.0%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	3.1%		29.1%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%		67.8%	322.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	5.9%		26.2%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	2.2%		30.6%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		88.8%	116.5%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		86.4%	109.1%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		12.3%	81.7%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		49.0%	161.4%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	2.5%		151.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		38.4%	75.9%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		56.1%	101.7%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		28.8%	112.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%		6.7%	29.7%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	10.2%		31.7%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	-7.2%
TNG	24/08/21	25,060 – 26,450	34,780	23,600	1:3	35.7%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	5.7%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	41.7%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	50.0%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	24.8%
VND*	09/06/21	15,100 – 16,100	21,500	14,000	1:2.5	93.2%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	195.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	17.6%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	13.2%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	61.2%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	10.4%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	65.8%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	17.3%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	108.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	56.6%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	60.2%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	126.7%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-20.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	8.2%
GEG*	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	52.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	89.8%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	38.2%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	207.5%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	32.6%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	73.3%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	52.3%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	78.6%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	61.4%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	45.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	49.5%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	172.9%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	143.9%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	287.9%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	281.3%

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

TRONG NƯỚC

Thị trường có một tuần hồi phục dẫn dắt bởi nhóm vốn hoá nhỏ VNSmallcap. Mức hồi phục của thị trường Việt Nam đi cùng với thị trường cổ phiếu thế giới trong tuần, tăng mạnh nhất là chỉ số Nikkei 225 của thị trường Nhật Bản.

NVL, MSN, VIC, DGC là các mã kéo thị trường trong khi VCB, CTG tạo ra lực cản chính trong tuần.

Hầu hết nhóm ngành đều tăng trưởng trong tuần qua trong đó mạnh nhất là Bán lẻ với PET, DGW, theo sau là nhóm Hoá chất với DGC, BFC, DPM và Bảo hiểm với MIG. Trong đó MIG vừa được thị trường chú ý khi mặt bằng lãi suất tăng lên nhưng cũng đang có câu chuyện thoái vốn từ ngân hàng mẹ.

Khối ngoại đã quay lại mua ròng với giá trị rất lớn, đặc biệt tập trung tại DGC là mã cổ phiếu hoá chất đã tăng khá mạnh thời gian gần đây. Tuy nhiên vị thế trong tháng vẫn là bán ròng và khó có thể đảo chiều trong tuần cuối cùng tháng 3.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)



Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 2.0%, mở cửa tuần cao hơn hẳn so với tham chiếu và xấp xỉ mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Về diễn biến cụ thể, VNINDEX có ngày đầu tuần mở cửa hưng phấn và sau đó tiếp tục tăng mạnh mẽ, lực bán chưa xuất hiện và do đó khối lượng giao dịch cũng không thực sự lớn. Sự tích cực được duy trì sang ngày thứ ba nhưng với việc khối lượng giao dịch cả ngày gia tăng mạnh mà mức tăng lại suy giảm và chỉ số chung đóng cửa thấp hơn mức cao nhất ngày thì có thể thấy là lực bán đã bắt đầu xuất hiện. VNINDEX suy yếu trong ba ngày còn lại của tuần, tuy nhiên không thực sự có sự áp đảo của lực bán mà chủ yếu lại là sự suy yếu của lực mua nhiều hơn, khi khối lượng giao dịch liên tục suy giảm.

Vùng điểm 1,500 của VNINDEX lúc này đang gây trở ngại cho đà tăng. Nếu xét theo vốn hóa thì trong tuần vừa qua, các cổ phiếu vốn hóa lớn đại diện bởi VN30 vẫn là nhóm tác động tiêu cực nhất đến thị trường, trong khi mức tăng mạnh mẽ nhất lại là ở các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa đứng ở giữa. Nhìn chung thì diễn biến này cho thấy dòng tiền trên thị trường lúc này đang thực sự không đủ mạnh mẽ và do đó chỉ có thể giúp đẩy các cổ phiếu vốn hóa nhỏ tăng tốt. Dù vậy thì diễn biến trong ngày thứ sáu cuối tuần là tương đối tích cực và nếu chỉ nói đến VNINDEX thì việc chỉ số chung có thể vượt qua vùng điểm hiện tại vẫn là khá sáng sủa.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,430 – 1,450
Kháng cự	1,600 – 1,610



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

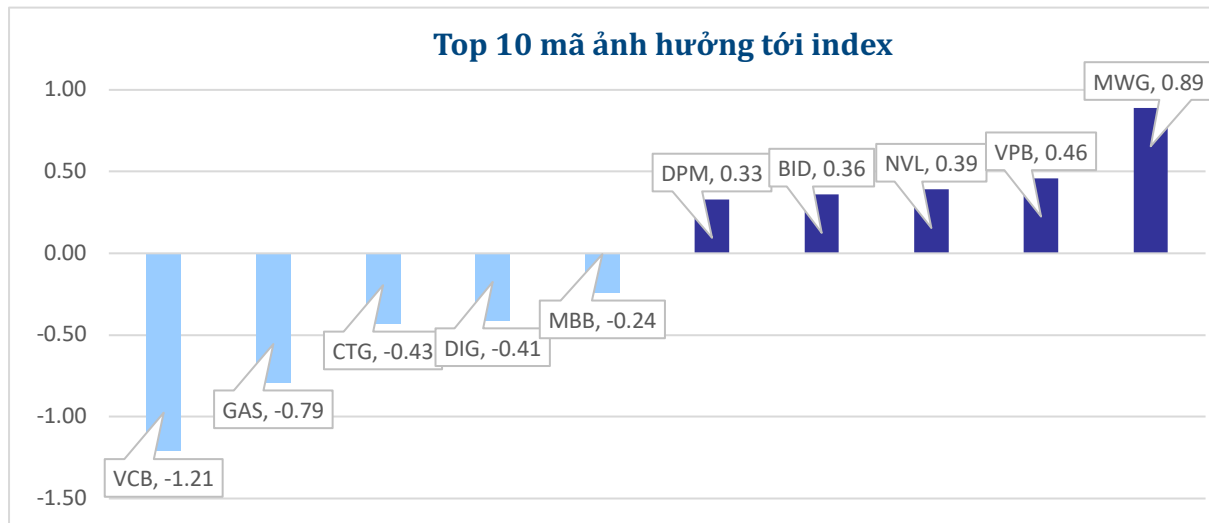
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,469.10	0.53%	7.76	795.72	24,227.7	228	70	195
Vn30 - Index	1,476.94	0.48%	7.02	172.17	8,508.3	18	2	10
Vn - Mid	2,158.97	0.31%	6.65	265.52	9,288.3	32	8	30
VN - Small	2,191.02	0.66%	14.34	234.59	4,574.0	98	33	96
HNX - Index	452.18	1.35%	6.02	103.26	2,850.6	114	122	105
Upcom - Index	116.04	0.09%	0.10	100.98	1,324.2	243	115	180

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	24,535.40	-1.20%	768.94	-2.03%
HNX	3,223.90	-20.42%	114.74	-6.56%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN

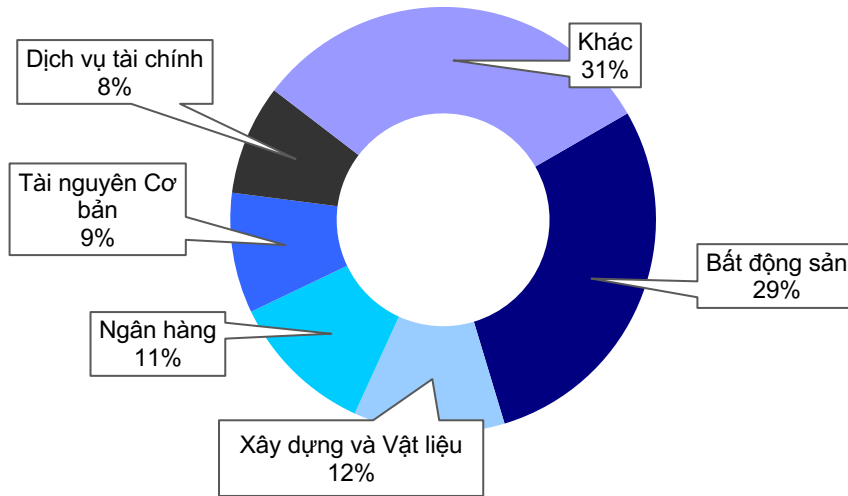


Top KLGD (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
HQC 28.86	NKG 683.6	MWG 309%	HUT 9.1%	DIG -3.0%
HAG 22.59	HPG 624.7	HHS 282%	GIL 7.0%	PVS -2.3%
ROS 16.81	DGC 566.7	GIL 258%	DGW 6.9%	CII -2.2%
FLC 14.67	DXG 521.8	TCH 217%	IDI 6.9%	CEO -2.1%
HHS 14.45	MWG 520.8	CTR 185%	ASM 6.6%	HBC -2.0%

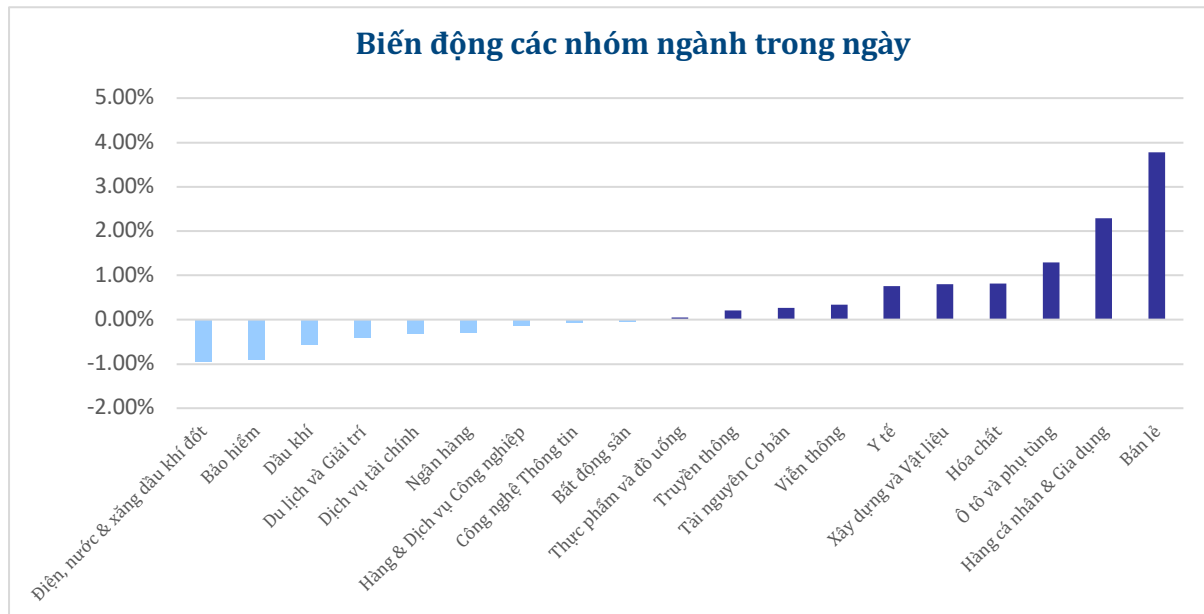


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

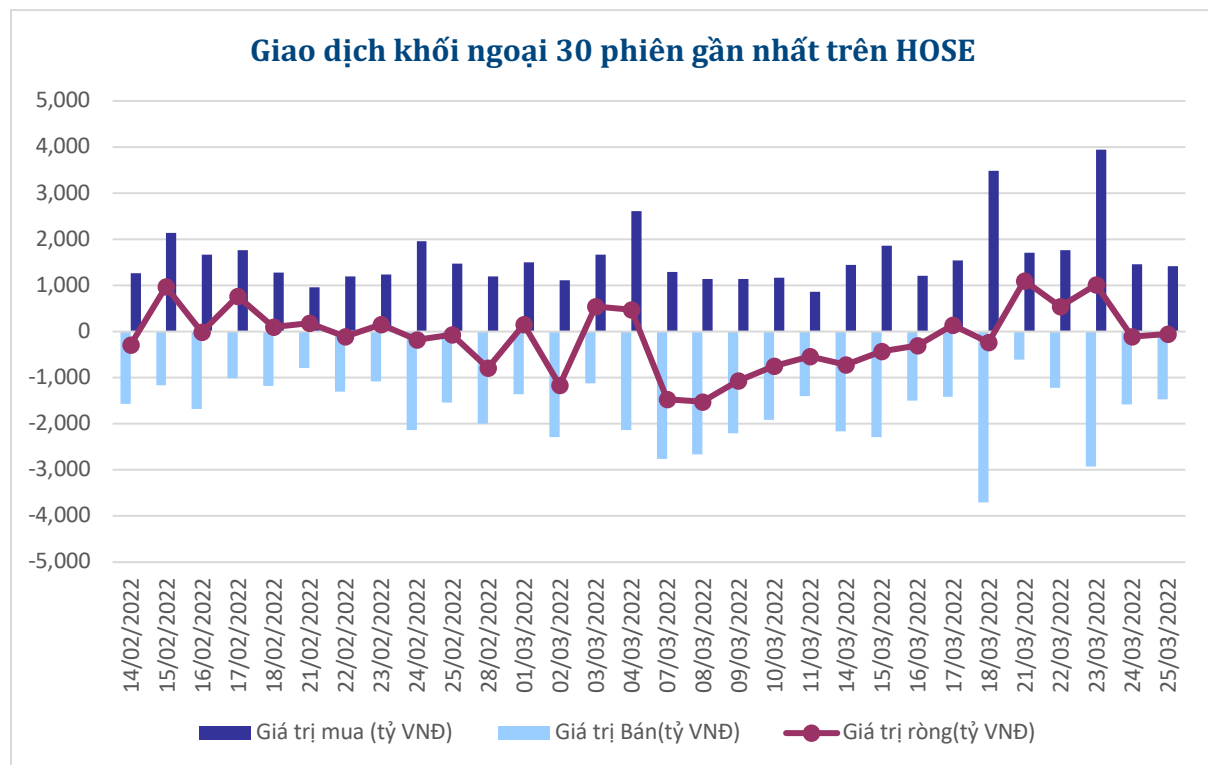




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

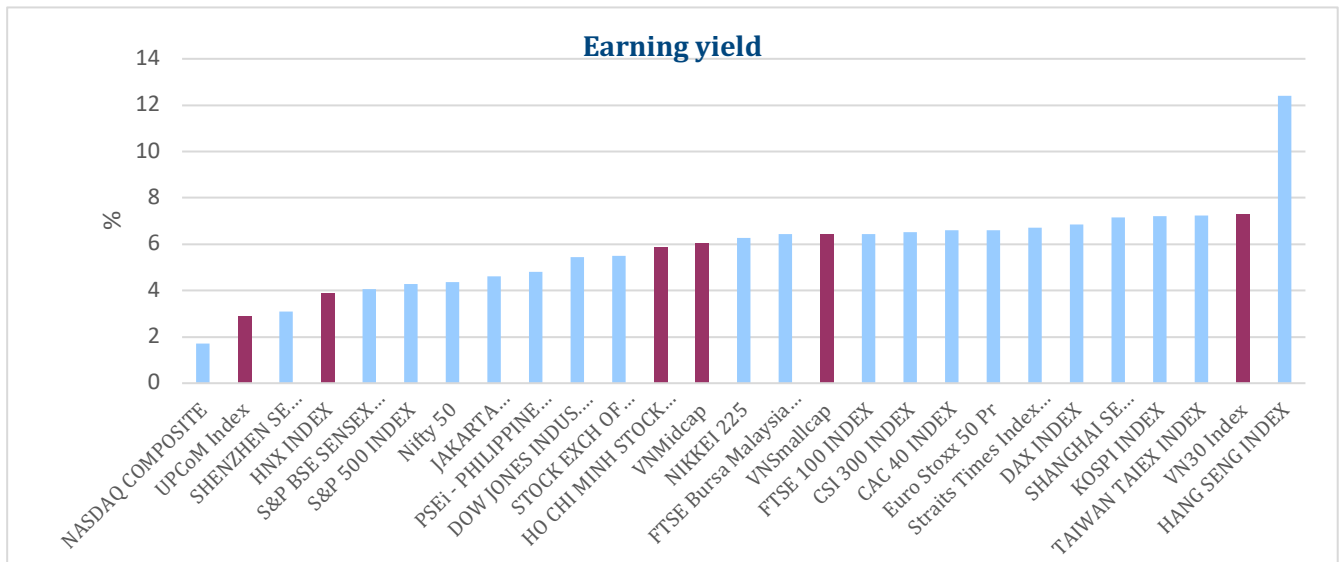
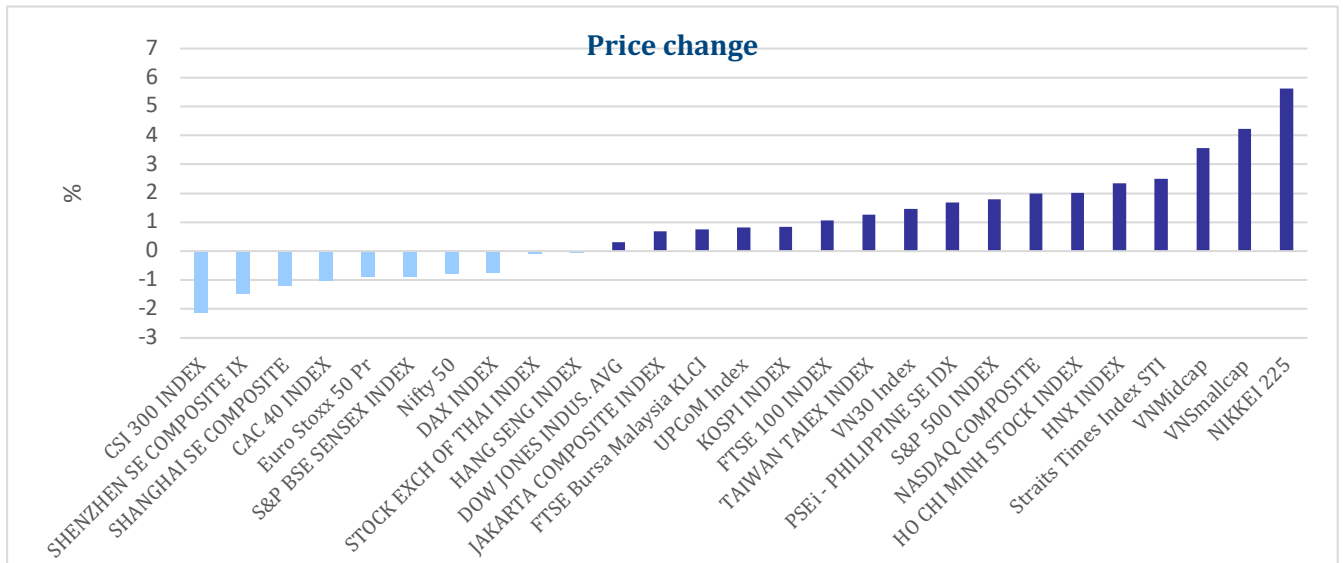
Trên HOSE bán ròng 50.89 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 753.26 triệu đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
FUEVFNVD	74.17	VNM	63.86
DGC	63.97	VCI	57.79
DPM	56.02	DXG	48.55
VGC	27.45	GMD	32.58
VHC	24.41	VND	32.24

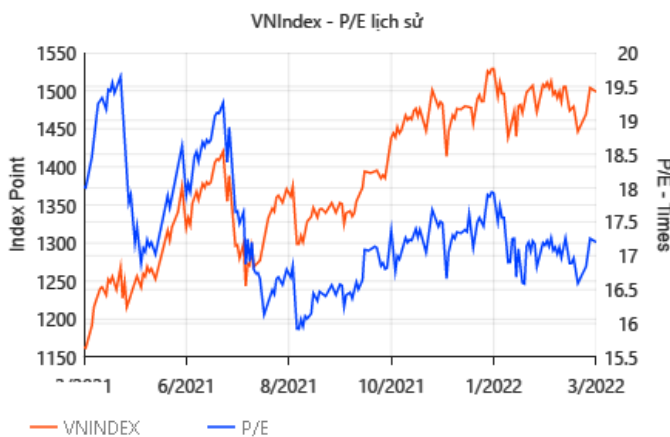




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

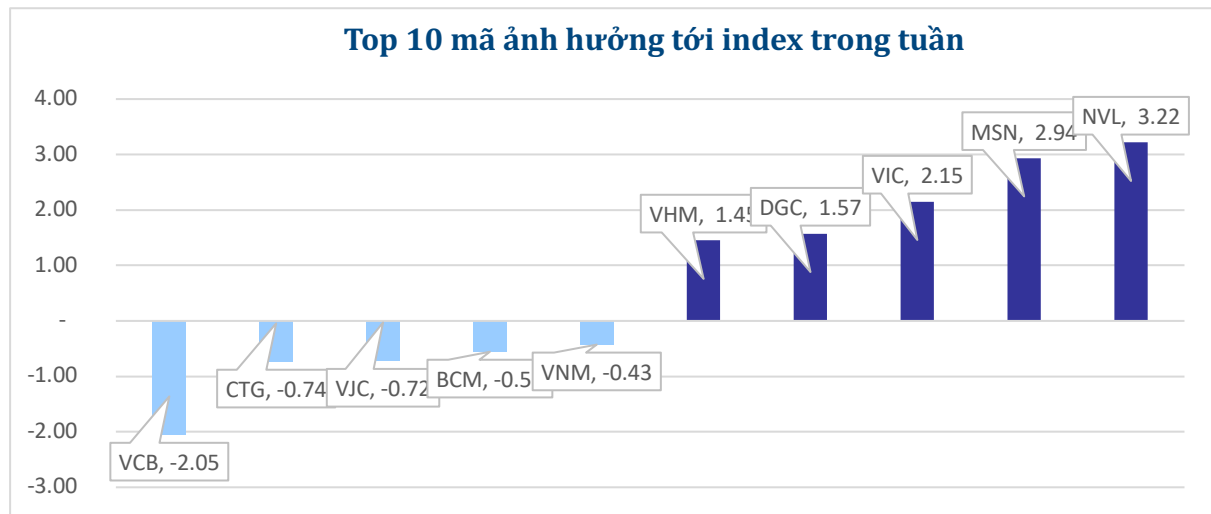


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



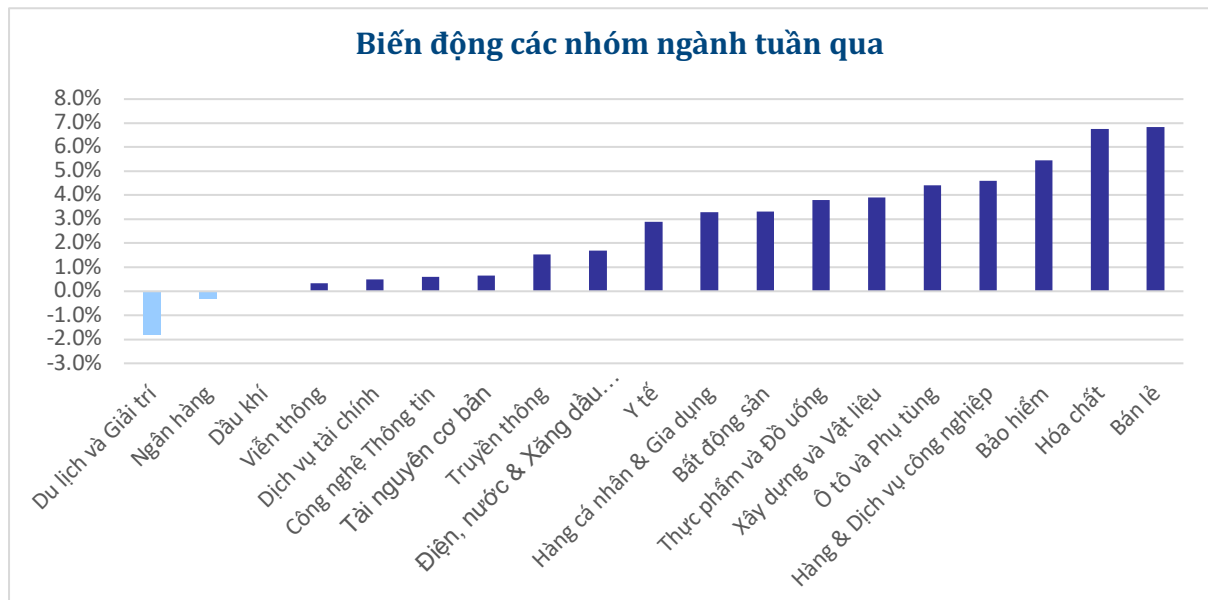


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



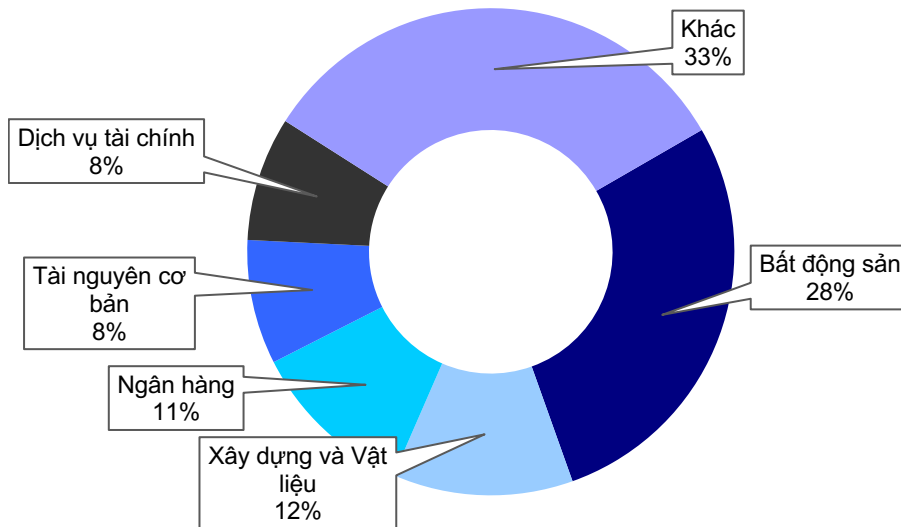
Top KLGD (triệu cp/phần)		Top GTGD (tỷ đồng/phần)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HQC	35.3	HPG	822.1	MIG	3.95x	VC9	41.2%	DQC	-14.8%
HAG	27.7	DGC	672.7	HUB	3.91x	PET	22.3%	HPX	-5.6%
FLC	26.7	DXG	657.1	VC9	3.87x	PXL	21.7%	HUT	-5.4%
ROS	19.3	NVL	576.2	LHC	3.01x	DGC	19.0%	VC3	-4.5%
ITA	18.1	GEX	542.8	VTP	2.92x	LHC	18.5%	EVG	-4.4%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

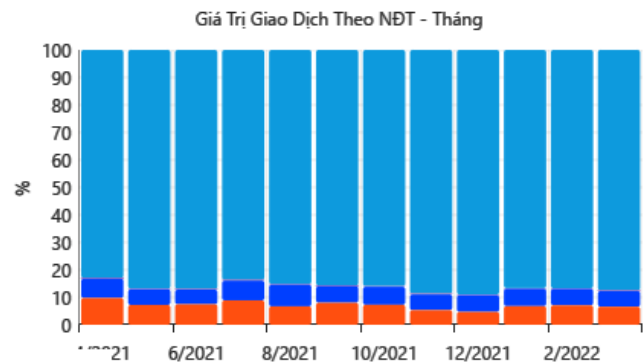
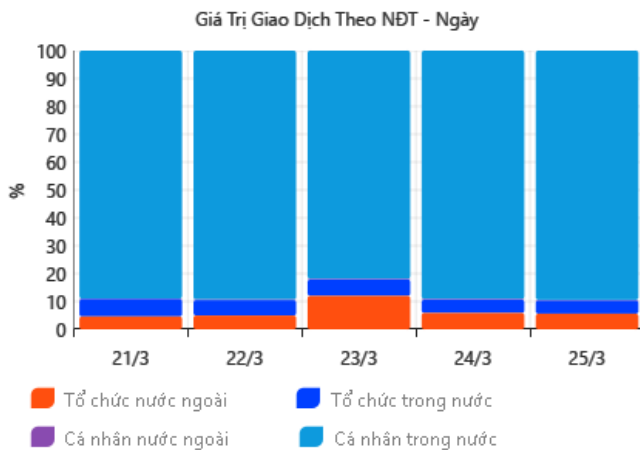


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-0.22%	7,390.3	VIC	2.79%	2,978.1
NVL	8.43%	6,227.4	DGC	18.98%	1,819.0
DXG	10.98%	5,981.6	FUEVFNDD	2.73%	1,632.4
GEX	2.60%	5,574.8	HPG	-0.22%	1,366.7
DGC	18.98%	5,053.2	GEX	2.60%	1,318.4

Tỷ trọng giao dịch

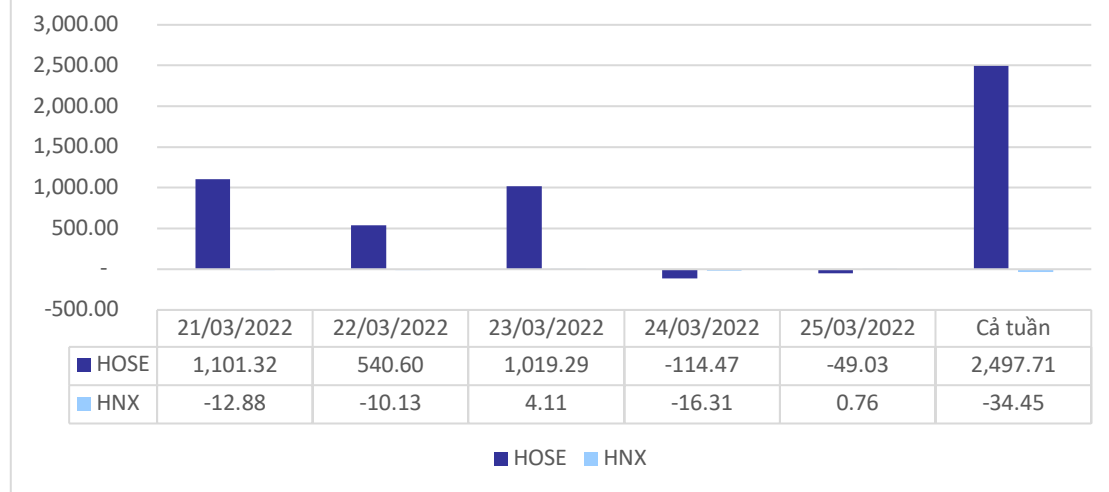




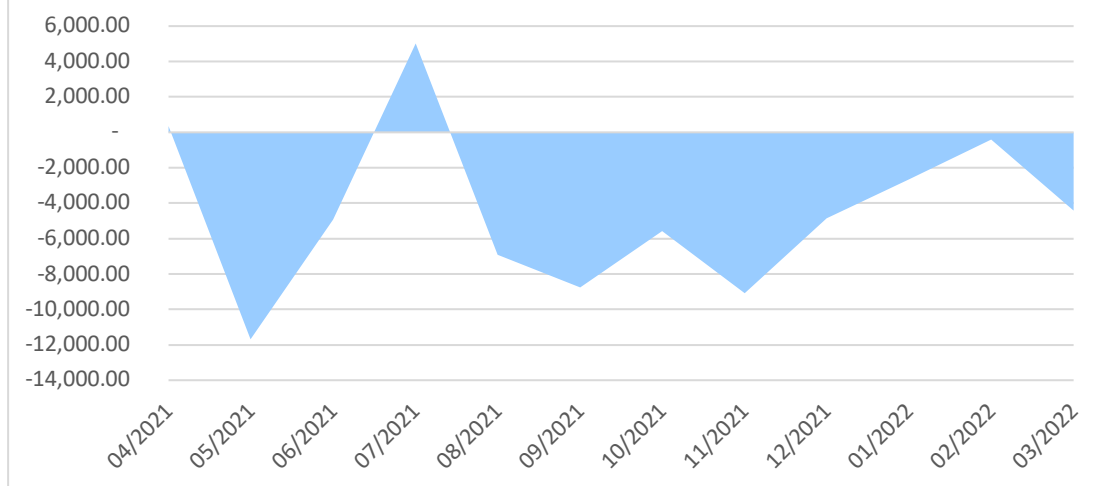
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DGC	18.98%	1,000.83	VNM	-1.05%	274.33
STB	1.66%	319.28	NVL	8.43%	223.96
GEX	2.60%	263.49	VND	-2.66%	145.04
MSN	7.10%	231.07	VCI	-1.54%	137.60
FUEVFVND	2.73%	195.69	DXG	10.98%	134.44

Hoạt động khối ngoại trong tuần



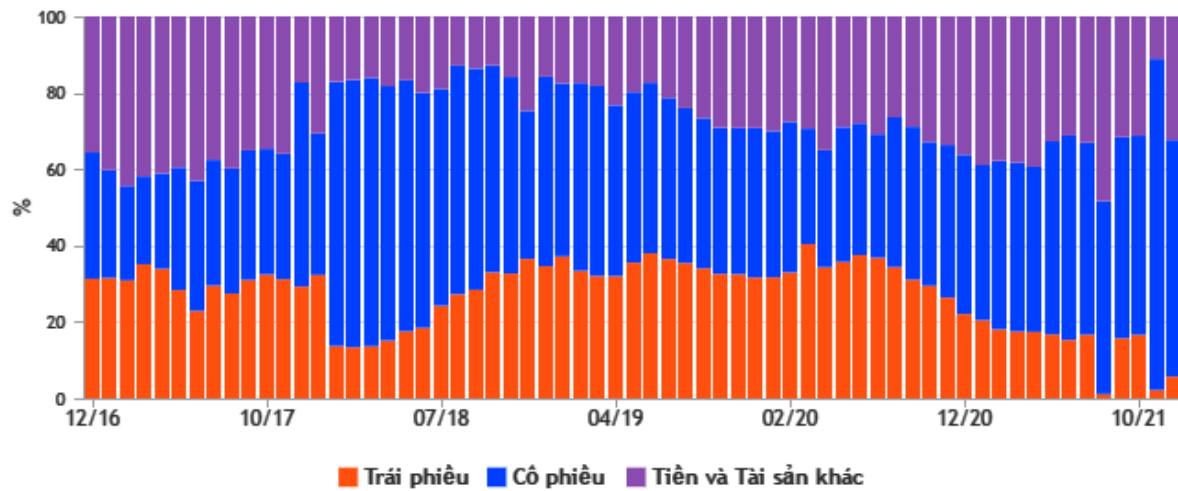
Giao dịch NĐTNN 12 tháng gần nhất trên 2 sàn



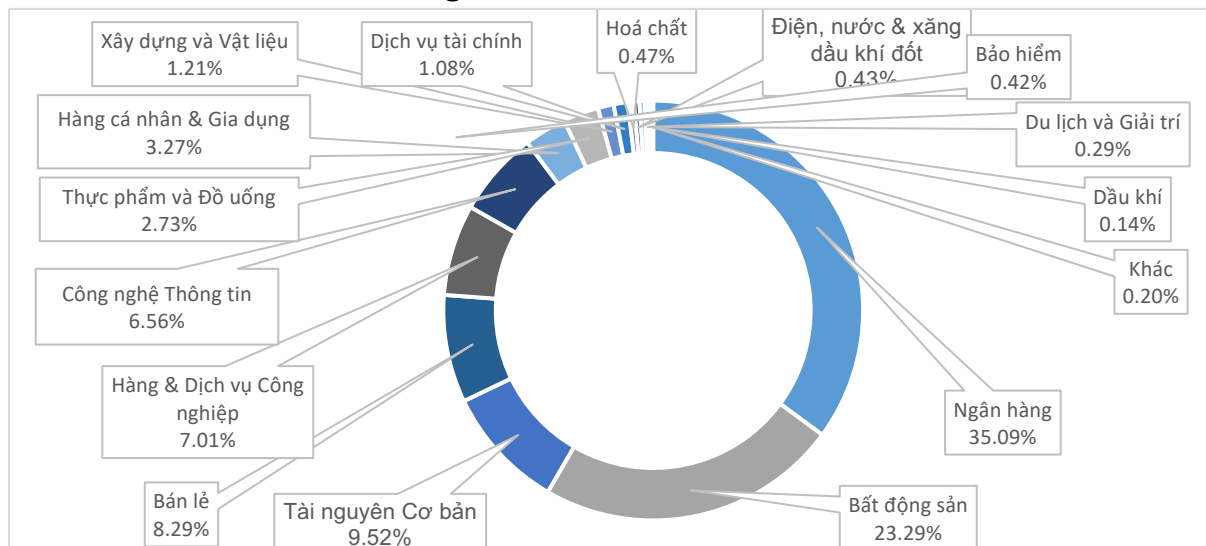


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

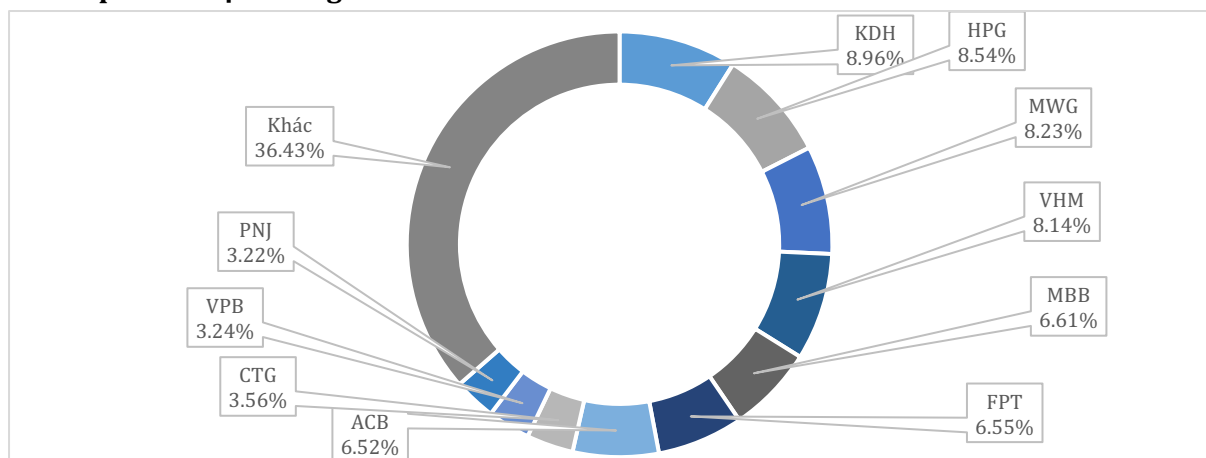
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
LM8	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	29/04/22
CFV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
A32	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
DTI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
EME	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
NQB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
EVG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
THW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
MND	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
VTK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
CID	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
SD7	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
CH5	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
S74	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
PTI	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
DWC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TNG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TIG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
PIC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
SII	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
L61	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
KLF	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
VGS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
C4G	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TA3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
CPI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
HRB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
VTQ	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
BMI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TTP	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
VGP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
KLB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
ABB	Upcom	Giao dịch 125.688.498 cổ phiếu niêm yết bổ sung	28/03/22	28/03/22	28/03/22
TTD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
DBC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	29/04/22
TCW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
SNZ	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
CTS	HSX	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:8)	28/03/22	29/03/22	28/03/22
SVN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
NHC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
VPB	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	29/04/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CMG	HSX	Giao dịch 8.999.017 cp niêm yết bổ sung			28/03/22
ITD	HSX	Giao dịch 2.278.856 cp niêm yết bổ sung		28/03/22	28/03/22
X20	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
HBH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TSC	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 3:1)	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TID	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	28/03/22	29/03/22	28/03/22
TOS	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	29/03/22	30/03/22	08/04/22
VDB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
ELC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
TLP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
HFC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
VWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
TCR	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	26/04/22
BSI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	30/04/22
SD6	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
VRC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	28/04/22
VWS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	29/03/22	30/03/22	08/04/22
HJS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
CTC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
CT3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
PTP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
OIL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
HAD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
H11	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
VNE	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
BMS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
TLI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
PPE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
VMS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
LUT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
SDN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
DNP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
BBM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
EFI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
XPH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
MSH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/04/22
FTS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			29/03/22
BFC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
XLV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
TDF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
SFG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/04/22
ABS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	23/04/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
DVW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
NDC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
CDG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
OGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/04/22
MTC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
TDW	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	26/04/22
E12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
HD2	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
MTS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
NDT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
BEL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
VGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
FCN	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	28/04/22
CTG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/04/22
SGS	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
BLN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
HAC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
LMI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
LIX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	28/04/22
CTD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	25/04/22
IRC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
QTP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
EVG	HSX	Giao dịch 105.000.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			29/03/22
VTZ	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
BVL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
EVE	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	28/04/22
DGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			29/03/22
TRT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	29/03/22	30/03/22	29/03/22
CNN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
PVP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VSE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
TMX	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
GHC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
AG1	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
BQB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
DWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
LPT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VCP	Upcom	Giao dịch 8.549.779 cổ phiếu niêm yết bổ sung	30/03/22	30/03/22	30/03/22
HAM	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	30/03/22	31/03/22	21/04/22
HTH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
BRS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
TVB	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.000 đ/cp)	30/03/22	31/03/22	21/04/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HNM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
DID	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	30/03/22	31/03/22	30/03/22
SVH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
IME	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
MIC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
XMP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
CDR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
XDH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
TMG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
OPC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	29/04/22
ARM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
LHG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	28/04/22
KCE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
T12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
NQT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
HPP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VCP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VIF	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
CPC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VBC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
LNC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VPC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
ITC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
BHC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
DBT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021			30/03/22
HLG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
APP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VCX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
VNS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	28/04/22
APC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	29/04/22
FUEKIV30	HSX	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	04/04/22
VBB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
IDJ	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
NAP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
NAV	HSX	ĐHĐCĐ TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (800 đ/cp)	30/03/22	31/03/22	22/04/22
THD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
PHN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
GEX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	12/05/22
HMH	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
PVS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
CTF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
GEG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	26/04/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HAI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
MED	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
PCT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	30/03/22	31/03/22	30/03/22
APT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
TA6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
PAI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
UPC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
BHN	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
LAI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
MTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
TSB	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
TEG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			31/03/22
REE	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021			31/03/22
TMS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	28/04/22
VGX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
NHV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
BWE	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			31/03/22
FCS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
SMA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	29/04/22
DTA	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	31/03/22	01/04/22	31/03/22
HSL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	29/04/22
SKV	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
NTF	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
CDH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
KST	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
SBM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
PWS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
BMN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
HSV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
SEA	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (9.500đ/cp)	31/03/22	01/04/22	27/04/22
TH1	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
SSI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	07/05/22
HCT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
BVN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	31/03/22
VSI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	29/04/22
KPF	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			31/03/22
TNI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	31/03/22	01/04/22	29/04/22
LAW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
C21	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
CGL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
DHG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (3.500 đ/cp)	01/04/22	04/04/22	15/04/22
PSI	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TIE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
HKT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
NTT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
KCB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
VUA	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	01/04/22	04/04/22	19/04/22
CCV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
KKC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
CKV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
VEF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
ICN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
L45	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
DPG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
NSC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	25/04/22
NHT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
ODE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
SIV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
MPY	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
DTE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
FOX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
IST	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
VE9	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
VDM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
ISG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22
VPR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	01/04/22	04/04/22	01/04/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: ivs@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696